

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tư pháp tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tư pháp tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 119/TTr-STP ngày 28 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 32 thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được sửa đổi, bổ sung về phí, lệ phí (đã được ban hành tại Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tư pháp tỉnh Đồng Nai).

(Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Tư pháp, Trung tâm Phục vụ hành chính công; UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của cơ quan, đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố trên phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Sở Tư pháp, Thông tin và truyền thông; Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, THNC, HCC (6b), Cổng TTĐT tỉnh.

 **CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HỘ TỊCH
DƯỚI THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH ĐỒNG NAI**

Ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ								
1	2.002516	Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc tại Bộ phận một cửa của các	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp tỉnh: lệ phí 20.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. - Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 20.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. - Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 10.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ

¹ Phần chữ.

² Phần chữ.

³ Đã được cập

¹ nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung.

¹ nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung.

³ nhật công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-quyet-dinh-cong-bo-chi-tiet.html?ma_quyet_dinh=72998).

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
				xã, phường, thị trấn, huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)		mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN								
2	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- <i>Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 70.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%.</i> - <i>* Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch:</i> - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
3	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 1.500.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
				tỉnh (https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn/)		mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
4	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 50.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch:	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
			mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc	các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	quyết định: UBND cấp huyện	- Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc	10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
							Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
5	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 1.500.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
6	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 1.570.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
				hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn/)		<i>Thủ tướng Chính phủ;</i> - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
7	1.001669	Đăng ký giám hộ có	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ,	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện		- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
		yếu tố nước ngoài	03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- <i>Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 50.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%.</i> * <i>Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch:</i> - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử	hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư	số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
8	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 50.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
9	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- Đối với trường hợp “Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước, xác định lại dân tộc”. Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 30.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. - Đối với trường hợp “Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài,	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
			kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.	gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)		xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài". Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 70.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. <i>* Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch:</i> - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.		
10	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 100.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học;	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						- Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
11	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết	12 ngày	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 100.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
		tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		tỉnh (https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn/)		mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
12	2.000547	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện,	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định:	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 100.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi,	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
		công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con	giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	UBND cấp huyện	người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
		nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)					- Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
13	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tiếp tại địa chỉ: Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 70.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						<i>nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học;</i> <i>- Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.</i>	Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
14	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	<i>- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 70.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%.</i> <i>* Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch:</i> <i>- Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật;</i> <i>- Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng;</i>	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
		cá nhân		vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)		- Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
							<i>của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.</i>	
15	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 1.500.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
16	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày.	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các huyện, thành phố. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ tại cấp huyện: lệ phí 50.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 50%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa;	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
				(https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)		người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ								
17	1.001193	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 10.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						<i>ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.</i>	Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
18	1.000894	Đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	Không	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
			của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)			biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
19	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 30.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch:	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
			quyết không quá 08 ngày làm việc.	các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	quyết định: UBND cấp xã	- Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	phù quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết	10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
							định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
20	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 40.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						<i>HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.</i>	sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
21	1.000656	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tiếp tại địa chỉ: Công dịch vụ công quốc gia	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 10.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
				(https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)		miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
22	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu	05 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 10.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	Tên VBQPPL Nội dung TTHC thực

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
		động		tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	* Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính	hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
							hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
23	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	Không	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
							Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
24	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 10.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
				gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)		đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
25	1.004837	Đăng ký	03 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ qua đường	- Cơ quan trực tiếp thực	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 10.000 đồng, trường hợp	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của	Nội dung TTHC thực

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
		giám hộ		buu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	<i>nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%.</i> * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử, đình hạp; giám hộ; kết hôn.	Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của	hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
							Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
26	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 10.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh;	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						- Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
27	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 15.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng;	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
			làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	chỉ: Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)		- Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
28	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tiếp tại địa chỉ: Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	- <i>Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 15.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%.</i> - <i>* Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch:</i> - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
29	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tiếp tại địa chỉ: Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 10.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
				(https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn/)		cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
30	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 10.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch:	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
		hồ sơ, giấy tờ cá nhân	quá 25 ngày	các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	quyết định: UBND cấp xã	- Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	- tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư	10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
							số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
31	1.004746	Đăng ký lại kết hôn	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 30.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
						nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
32	1.005461	Đăng ký lại khai tử	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của các xã, phường, thị trấn. - Nộp trực tiếp tại địa chỉ: Công dịch	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã	- Nộp hồ sơ tại cấp xã: lệ phí 10.000 đồng, trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lệ phí được giảm 100%. * Đối tượng miễn lệ phí hộ tịch: - Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; - Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng; - Người dân tộc thiểu số tại	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
				vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công tỉnh (https://dichvucong.dongnai.gov.vn/)		<i>các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;</i> - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; - Người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nan y, người nhiễm HIV/AIDS, người nhiễm chất độc hóa học; - Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị Quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.